**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI-KHTN6**

**a) Ma trận**

**Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc nội dung: 5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch*. *Tách chất ra khỏi hỗn hợp*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

- Nội dung nửa đầu học kì 1: *100% (10 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu (7 tiết)* |   | **3** | **5 ý** |  |  |  |  |  | 5 | 3 | 2,0 |
| *2. Các phép đo (10 tiết)* |   | **5** |  |  | **5 ý** |  |  |  | 5 | 5 | 3,0 |
| *3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7tiết).* |  | **2** |  | **1** | **3 ý** |  | **2 ý** |  | 5 | 3 | 2,0 |
| *4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết).* |  |  |  **3ý** | **3** |  |  | **2 ý** |  | 5 | 3 | 2,0 |
| *5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch*. *Tách chất ra khỏi hỗn hợp* *(6 tiết)* | **2 ý** | **2** |  | **0** |  |  |  |  | ~~2~~ | 2 | 1,0 |
| **Số câu/số ý tự luận** | **2** | **12** | **8** | **4** | **8** | **0** | **4** | **0** | **22** | **16** | **10,00** |
| **Điểm số** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | **3,0 điểm** | **2,0 điểm** | **1,0 điểm** | **10 điểm** | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | **Câu hỏi** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Số ý) | TN(Số câu) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | **5** | **3** |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C1 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 1 |  | C2 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | **1** |  | C3 |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. | **5 ý** |  | C17 |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
|  | ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | **7** | **5** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng và thời gian- Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C4 |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C5,6 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C7,8 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. | **2 ý** |  | C18 |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  |  |  |  |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  |  |  |  |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.  |  |  |  |  |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc thấp** |  |  |  |  |  |
| - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | **2 ý** |  | C18 |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* | **3 ý** |  | C19 |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
|  | ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)*** | **5** | **3** |  |  |
| – Sự đa dạng của chất– Ba thể (trạng thái) cơ bản của – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  | **1** |  | C9 |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | **1** |  | C10 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  |  |  |  |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  | 1 |  | C3 |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc.  |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  | **1** |  | C11 |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  |  |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. | **3 ý** |  | C20 |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.- Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.– Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | **2 ý** |  | C20 |  |
|  | ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** | **5** | **3** |  |  |
| – Một số vật liệu– Một số nhiên liệu– Một số nguyên liệu– Một số lương thực – thực phẩm | **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  | **1** |  | C12 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | **1** |  | C13 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  | **1** |  | C14 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. | **3 ý** |  | C 21 |  |
| **Vận dụng**  |  |  |  |  |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng. |  |  |  |  |
| – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. |  |  |  |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | **2 ý** |  | C 21 |  |
|  | ***5. Chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch*. *Tách chất ra khỏi hỗn hợp* (6 tiết)** | **2** | **2** |  |  |
|  | **Nhận biết** |  |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm hỗn hợp. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm chất tinh khiết. |  | 1 |  | C15 |
| – Nhận ra được một số khí cũng có thể hoà tan trong nước để tạo thành một dung dịch.  |  | **1** |  | C16 |
| – Nhận ra được một số các chất rắn hoà tan và không hoà tan trong nước. | **2 ý** |  | C22 |  |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Phân biệt được dung môi và dung dịch. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. |  |  |  |  |
| – Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương. |  | 1 |  | C6 |
| – Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hoà tan trong nước. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  |  |  |  |  |  |
| – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung môi là gì. |  |  |  |  |
| – Thực hiện được thí nghiệm để biết dung dịch là gì.  |  |  |  |  |
| – Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  |  |  |  |
| – Sử dụng được một số dụng cụ, thiết bị cơ bản để tách chất ra khỏi hỗn hợp bằng cách lọc, cô cạn, chiết. |  |  |  |  |

***c/ đề kiểm tra***

**Câu 1.** Khoa học tự nhiên là:

 A. một nhánh của khoa học, nghiên cứu về vật thể tự nhiên.

 B. một nhánh của khoa học, nghiên cứu về các hiện tượng vật lý.

 C. một nhánh của khoa học, chuyên nghiên cứu về các hiện tượng hóa học.

 D. một nhánh của khoa học, nghiên cứu về các hiện tượng tự nhiên, tìm ra các tính chất, quy luật của chúng.

**Câu 2.** Hành động nào sau đây không phù hợp với các quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

A. Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.

B. Nếm thử để phân biệt các loại hóa chất.

C. Thu dọn phòng thực hành, rửa sạch tay sau khi đã thực hành xong.

D. Mặc đồ bảo hộ, đeo kính, khẩu trang.

**Câu 3: Khoa học tự nhiên không bao gồm lĩnh vực nào sau đây?**

A. Vật lí học B. Khoa học Trái Đất C. Thiên văn học D. Tâm lí học

**Câu 4:** Cách đặt thước đo đúng:

A. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 sát mép bên phải một đầu cần đo.

B. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 ngang với một đầu của vật.

C. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 vuông góc với một đầu của vật.

D. Đặt thước đo dọc theo độ dài cần đo, vạch số 0 sát mép bên trái một đầu cần đo.

**Câu 5.** Trong các đơn vị sau, đơn vị đo khối lượng là:

A. mét (m) B. Ki lô gam (kg) C. lít (l) D. giây (s)

**Câu 6.** Trong các đơn vị sau, đơn vị đo chiều dài là:

A. mét (m) B. Ki lô gam (kg) C. lít (l) D. giây (s)

**Câu 7:** Dụng cụ dùng để đo chiều dài là:

A. Cân B. Bình chia độ C. Thước D. Đồng hồ

**Câu 8:** Dụng cụ dùng để đo thời gian là:

A. Cân B. Bình chia độ C. Thước D. Đồng hồ

**Câu 9: Sự đông đặc là sự chuyển từ:**

A. thể rắn sang thể lỏng. B. thể lỏng sang thể hơi.

C. thể lỏng sang thể rắn. D. thể hơi sang thể lỏng.

**Câu 10: Vật thể tự nhiên là:**

A. Chậu. B. Đá. C. Thước kẻ. D. Bàn.

**Câu 11:** Một số chất khí có mùi thơm tỏa ra từ bông hoa hồng làm ta có thể ngửi thấy mùi hoa thơm. Điều này thể hiện tính chất nào của thể khí?

A. Dễ dàng nén được. B. Không có hình dạng xác định.

C. Có thể lan tỏa trong không gian theo mọi hướng. D. Không chảy được.

**Câu 12:**Trong các vật liệu sau, vật liệu nào dẫn điện tốt?

A. Thủy tinh          B. Kim loại           C. Cao su             D. Gốm

**Câu 13:** Loại nhiên liệu nào sau đây có năng suất tỏa nhiệt cao và dễ cháy hoàn toàn.

A. Nhiên liệu khí. B. Nhiên liệu lỏng. C Nhiên liệu rắn. D. Nhiên liệu hóa thạch.

**Câu 14:** Nguyên liệu chính để sản xuất gạch là gì.

A. Đất sét. B. Cát C. Đá vôi. D. Đá.

**Câu 15:** Hỗn hợp được tạo ra từ:

A. Nhiều nguyên tử cùng loại. B. Một chất.

C. Nhiều chất trộn lẫn vào nhau. D. Nhiều chất riêng biệt.

**Câu 16: Chất tinh khiết là:**

A. Có tính chất thay đổi tùy thuộc vào thành phần. B. Có tính chất khó xác định.

C. Chỉ có một chất duy nhất. D. Chứa từ hai chất trở lên.

 **Tự luận**

**Câu 17** (1,25 điểm):

1. Giữa vật sống và vật không sống có những điểm gì khác nhau?
2. Cho ví dụ vật sống và vật không sống?

**Câu 18** (0,5 điểm)**:** Nhiệt độ của một vật cho biết điều gì?

**Câu 19** (1,25 điểm)**:** a) Trong tay em có một chiếc cốc như hình 5.5, một thước dây, một thước kẹp, một com pa và một thước thẳng. Em sẽ đùng thước nào để đo.



- Chu vi ngoài của miệng cốc?

- Độ sâu của cốc?

- Đường kính trong của phần thân cóc và đáy cốc?

- Độ dày của miệng cốc?

b) Lấy ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về nhiệt độ của vật?

**Câu 20** (1,25 điểm):

1. Tiến hành thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí?
2. Em hãy đưa ra biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí áp dụng trong trường học.

**Câu 21** (1,25 điểm)**:** a. Kể tên một số loại lương thực thực phẩm được sử dụng để chế biến nước mắm, dầu ăn, thức ăn cho gia súc.

 b. Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

**Câu 22**(0,5 điểm)**:** Cho các chất sau: cát, đường, muối ăn, bột mì. Háy sắp xếp các chất trên thành hai nhóm: tan được trong nước và không tan được trong nước.

**d/ đáp án**

**Trắc nghiệm (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **Đáp án** | **D** | **B** | **D** | **B** | **B** | **A** | **C** | **D** | **C** | **B** | **C** | **B** | **A** | **A** | **C** | **C** |

**Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17** | a.Vật sống- Trao đổi chất với môi trường. -Có khả năng lớn lên, sinh sản, phát triển và cảm ứng. |  Vật không sống-Không có sự trao đổi chất với môi trường.- Không có khả năng lớn lên, sinh sản, phát triển và cảm ứng. | 0,50,5 |
| 1. **Vật sống: gà, mèo , cây...**

**Vật không sống: đá, đất....** | 0,25 |
| **Câu 18** | Nhiệt độ của một vật cho biết độ “nóng” hay “lạnh” của vật. | 0,5 |
| **Câu 19** | a/- Dùng thước dây để đo chu vi ngoài của miệng cốc.- Dùng thước thẳng để đo độ sâu của cốc.- Dùng com pa và thước thẳng để đo đường kính trong của phần thân cốc.- Dùng thước kẹp để đo độ dày của miệng cốc. | 0,250,250,250,25 |
| b/ Trong một căn phòng, ta đặt tay trái vào chiếc ghế gỗ, đặt tay phải vào chiếc ghế sắt. Nhận thấy, tay phải cảm giác lạnh hơn tay trái. Mặc dù 2 chiếc ghế cùng đặt trong 1 căn phòng và có nhiệt độ như nhau | 0,25 |
| **Câu 20** | a/ Thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí:Tiến hành:Bước 1: Đặt cây nến gắn trên đế nhựa vào chậu chứa nước vôi trong và châm lửa cho nến cháy.Bước 2: Úp cốc thủy tinh lên nến. Oxygen trong không khí có trong cốc giúp duy trì sự cháy và sẽ hết dần. Chất lỏng dần dâng lên chiếm chỗ oxygen đã cháy.Bước 3: Sau khi nến tắt, quan sát vị trí cuối cùng của chất lỏng  dâng lên trong cốc. | 0,250,250,25 |
| b/ biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí áp dụng trong trường học.- Không vứt rác bừa bãi -vứt đúng nơi quy định, xử lí rác thải đúng cách....- Tuyên truyền , huy động mọi người để mọi người hiểu thêm về ô nhiễm không khí. | 0,250,25 |
| **Câu 21** | a. - Chế biến nước mắm: cá, tép…. - Chế biến dầu ăn: đậu nành, đậu phộng…. - Chế biến thức ăn cho gia súc: bắp mì… | 0,250,250,25 |
| b. - Để bình gas nơi thoáng khí để khi lỡ có rò gas thì khí cũng bay ra xa làm loãng lượng gas trong không gian nhà bếp  - Tránh được nguy cơ cháy nổ. | 0,250,25 |
| **Câu 22** | - Các chất tan được trong nước: đường, muối ăn.- Các chất không tan được trong nước: cát, bột mì. | 0,250,25 |